

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2022

V/v xin ly hôn, nuôi con,  
cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Thực

Bà Khuất Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022 về việc "*Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1992. Địa chỉ: SN 246 đường N, tổ 6 phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: SN 61 ngõ 59 đường P, tổ 17 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 25/02/2022; Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Việt H trình bày:*

Anh và chị Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ cuối tháng 7 năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/5/2020. Anh nhất trí giao cháu N cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu N hàng tháng, mỗi tháng số tiền 3.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 29/4/2022 bị đơn chị Lê Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Việt H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T vào ngày 08/11/2019, đến ngày 19/11/2019 thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới. **Chị N xác nhận thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ ngày 30/6/2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng là do suy nghĩ, tính cách không hoà hợp, hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết nhưng vẫn không thể dung hoà được cuộc sống vợ chồng, tình cảm vợ chồng không được gắn bó như trước, mâu thuẫn trong cách nghĩ và giải quyết công việc ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, anh H đi làm xa không quan tâm chăm lo đến con và gia đình, mỗi người sống một nơi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh H.**

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/5/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mức cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng theo phương thức cấp dưỡng 1 lần, anh H chuyển tiền cấp dưỡng qua tài khoản của chị hoặc bằng tiền mặt, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Nếu anh H không thực hiện cấp dưỡng đúng theo quy định thì chị có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị có mua 1 căn hộ chung cư tại Hà Nội, căn hộ số 2723 tại tầng 27 thuộc toà nhà S2.01 (U301) toà nhà tại lô đất F1-CH02 có địa chỉ tại phường Tây Mỗ - Đại Mỗ quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; Diện tích sử dụng căn hộ là 54,2m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng căn hộ là 58,5m<sup>2</sup> giá tiền mua theo hợp đồng mua bán căn hộ số S2.012723/VHSC/HĐMBCH ngày 30/6/2020 với giá mua là 1.966.607.691VNĐ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được hưởng tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Vợ chồng anh chị có đứng tên hợp đồng cho vay về việc vay cá nhân có tài sản bảo đảm số 97039.20.062.5851217.TD ngày 03/8/2020 giữa ngân hàng TMCP Quân đội (MB)-Chi nhánh Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, Hà Nội với ông Nguyễn Việt H và bà Lê Thị N, để mua căn hộ số 2723 tại tầng 27 thuộc toà nhà S2.01 (U301) tại lô đất F1-CH02 có địa chỉ tại phường Tây Mỗ - Đại Mỗ quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Với số tiền vay là 1.351.990.268VNĐ. Ngày 17/12/2021 anh H có đưa cho chị 2 loại giấy tờ để xác nhận về nội dung đã tắt toán khoản vay tại ngân hàng gồm: 01 giấy xác nhận thông tin tài khoản vay (không số) lập ngày 15/12/2021 của ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Tắt toán khoản vay số tiền là 1.351.990.268VNĐ, với mục đích tắt toán khoản vay để mua căn hộ, thời gian tắt toán lúc 10h30 ngày 15/12/2021 và dư

nợ KH là 0 VNĐ do giám đốc Giang Hồng Hạnh ký tắt toán; 01 thông báo số 1782/TB-MB-HKT ngày 15/12/2021 của Ngân hàng về việc thông báo giải chấp tài sản bảo đảm do PGD Dịch vụ - Trưởng HUB vận hành Nguyễn Thị Huệ ký Thông báo. *(Về nội dung tắt toán khoản vay và thông báo giải chấp tài sản chị không chịu trách nhiệm về tính pháp lý của 02 loại giấy tờ này với lý do hiện nay chị đang công tác và làm việc tại Hà Giang nên chị không được trực tiếp đến ngân hàng để làm thủ tục).*

Tại phiên tòa anh H vắng mặt. Ngày 04/8/2022 anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn; Về con chung anh đề nghị Tòa xử giao cháu Nguyễn Hoàng N cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 3.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N có ý kiến: Chị nhất trí ly hôn, nhất trí về việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng, chị đề nghị anh H phải có trách nhiệm thi hành án về cấp dưỡng nuôi con đều đặn nếu không chị sẽ đề nghị cơ quan thi hành án thu tiền nuôi con giúp chị. Về tài sản chị đề nghị Tòa án xác minh về việc anh H đã tắt toán toàn bộ khoản vay hay chưa. Ngoài ra chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

*\* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; **điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:** Xử cho anh Nguyễn Việt H được ly hôn với chị Lê Thị N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Việt H, mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, anh H có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn có yêu cầu về việc chia tài sản chung nhưng không thực hiện thủ tục phân tố theo quy định do đó đề

ngợi HĐXX không xem xét; Về án phí: Buộc anh Nguyễn Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Việt H về việc xin ly hôn chị Lê Thị N, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tổ 17 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh vì lý do hiện nay anh đi làm ăn xa, anh và chị N không thể nói chuyện được với nhau nên anh đề nghị Tòa án không hoà giải và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật đồng thời có trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Việt H và chị Lê Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, từ tháng 7 năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Kể từ cuối tháng 7 năm 2020 đến nay anh chị không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại tổ khu phố thấy rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn giữa vợ chồng, anh H và chị N cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể hoà hợp được để cùng nhau chung sống dưới một mái nhà. Nên anh H đề nghị giải quyết ly hôn chị N cũng nhất trí. Do đó HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[4] Về việc nuôi con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/5/2020. Xét thấy cháu N còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác anh H, chị N cũng thống nhất đề nghị giao cháu N cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Hoàng N cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác là có căn cứ. Anh H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo bản tự khai và tại phiên tòa chị N đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000đ/tháng theo phương thức cấp dưỡng 1 lần, thời gian cấp dưỡng từ tháng 1/2022 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa chị N đã thay đổi ý kiến và chấp nhận sự

tự nguyện cấp dưỡng của anh H với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ. HĐXX xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Anh H có ý kiến về việc anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi (BL 54), HĐXX xét thấy việc anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của cháu N, phù hợp với các quy định tại Điều 82, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với khả năng thực tế của anh H nên HĐXX ghi nhận, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[7] Về tài sản và công nợ chung: Theo bản tự khai ngày 29/4/2022 chị N có ý kiến trình bày về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, chị có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được hưởng tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn anh H không có yêu cầu về việc chia tài sản chung nên ngày 18/5/2022 Tòa án đã có thông báo số 16/TB-DS (BL 38) về việc yêu cầu chị N thực hiện phản tố, Thông báo đã được giao trực tiếp cho chị N (BL 34), tuy nhiên hết thời hạn theo quy định chị N không thực hiện yêu cầu phản tố và cũng không trình bày lý do của việc không thực hiện. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Nếu chị N có yêu cầu về việc chia tài sản thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Việt H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5. Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Việt H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Nguyễn Việt H và chị Lê Thị N.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Nguyễn Việt H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng cho cháu Nguyễn Hoàng N, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi cháu N đủ 18

tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000669, ngày 02/3/2022 (Nguyễn Văn H nộp thay). Anh H còn phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. *Quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Việt H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường T;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**